

PHỤ LỤC S6

Truy nguyên (Truy xuất nguồn gốc)

Phiên bản 1.1

Miễn trừ trách nhiệm dịch thuật

Trong trường hợp có bất cứ vướng mắc nào liên quan đến ngữ nghĩa cụ thể của nội dung thông tin trong bản chuyển ngữ này, xin vui lòng xem bản tiếng Anh chính thức để hiểu rõ hơn. Nếu có bất kỳ sự sai khác hoặc khác biệt về ngữ nghĩa do bản chuyển ngữ này đều không liên quan/ràng buộc và không có ảnh hưởng đến các mục đích thanh tra đánh giá hoặc cấp chứng nhận.

Tìm hiểu thêm thông tin?

Để tìm hiểu thêm thông tin về Rainforest Alliance, vui lòng truy cập trang web: www.rainforest-alliance.org hoặc liên hệ với chúng tôi qua email: info@ra.org

Tên Văn bản:		Mã số văn bản:	Phiên bản:
Phụ lục S6: Truy nguyên		SA-S-SD-7-V1.1	1.1
Ngày phát hành lần đầu:	Ngày hiệu chỉnh:	Có hiệu lực từ:	Thời hạn hết hiệu lực:
30/6/2020	31/1/2021	1/7/2021	Cho đến khi có thông báo thêm
Được xây dựng bởi:		Được duyệt bởi:	
Phòng quản lý các tiêu chuẩn và đảm bảo chứng nhận của Rainforest Alliance		Giám đốc Phòng quản lý các tiêu chuẩn và đảm bảo chứng nhận	
Tài liệu liên quan:			
Tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững 2020 Rainforest Alliance - SA-S-SD-1-V1.1, Các yêu cầu đối với trang trại Tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững 2020 Rainforest Alliance - SA-S-SD-2-V1.1, Các yêu cầu dành cho chuỗi cung ứng			
Thay thế cho:			
SA-S-SD-7-V1: Phụ lục 6: Truy nguyên và chia sẻ trách nhiệm			
Áp dụng cho:			
Các đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng			
Quốc gia/Vùng:			
Tất cả			
Cây trồng:		Loại hình chứng nhận:	
Tất cả các cây trồng trong phạm vi của hệ thống chứng nhận của Rainforest Alliance; xin vui lòng tìm hiểu thêm ở phần các Quy chế chứng nhận		Các đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại và chuỗi cung ứng	

Nghiêm cấm mọi hình thức sử dụng nội dung này bao gồm việc sao chép, sửa đổi, phân phát hoặc tái bản, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Rainforest Alliance.

MỤC LỤC

Introduction.....	4
Scope for traceability	4
Level of traceability reporting	4
Applicability of Standard requirements	4
Traceability types	4
Identity preserved	5
Segregation	5
Mass balance	5
Scope	5
Credit validity.....	6
Traceability.....	6
Requirement 2.1.7 – double selling	6
Requirement 2.1.9 – conversion rates.....	6
Traceability in online platform	7
Traceability platform activities	7
Requirement 2.1.9 – converting certified product	7
Requirement 2.2.1 – managing outgoing transactions of certified product	8
Requirement 2.2.2 – managing incoming transactions of certified product	8
Requirement 2.2.3 – removing certified volumes	8
Requirement 2.2.5 – aggregating transactions	8
Mass balance	9
Requirements 2.3.3 and 2.3.4 – origin matching	10
Annual recipe and origin matching for liquor	11

GIỚI THIỆU

Tài liệu này đề cập đến các quy định bổ sung về các yêu cầu của chương truy nguyên trong Tiêu chuẩn Nông nghiệp bền vững Rainforest Alliance 2020. Cấu trúc của tài liệu này được bố trí theo trật tự các yêu cầu của chương truy nguyên, giới thiệu các nguyên tắc truy nguyên và thuật ngữ trong phần giới thiệu, đưa ra diễn giải bổ sung liên quan đến các yêu cầu về truy nguyên chung ở mục 1, phác họa về các yêu cầu quản lý hệ thống truy nguyên trực tuyến ở mục 2, và đưa ra phần giải thích bổ sung liên quan đến các yêu cầu về cấp độ truy nguyên giữa chứng nhận và không chứng nhận theo tỷ lệ công bố ở mục 3

Phạm vi đối với quản lý truy nguyên

Truy xuất nguồn gốc xem như là phần cốt lõi của chứng nhận. Việc quản lý truy nguyên này phải được duy trì để cho phép đưa ra tỷ lệ công bố chính xác trên sản phẩm được chứng nhận. Việc quản lý truy nguyên thông qua chương trình chứng nhận được duy trì bằng cách thực hiện hai hợp phần riêng biệt nhưng có quan hệ chặt chẽ với nhau:

- 1) Các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc là để cụ thể hóa các nguyên tắc về quản lý truy nguyên trực tuyến cũng như làm thế nào để triển khai thực hiện việc truy xuất nguồn gốc trong thực tế.
- 2) Việc quản lý truy nguyên thông qua hệ thống trực tuyến của Rainforest Alliance để lưu lại sự lưu thông và các hình thái chuyển đổi được áp dụng đối với sản phẩm được chứng nhận.

Quản lý truy nguyên phải được mỗi đơn vị sở hữu chứng nhận (CH) thực hiện ở cả hai cấp độ này cho các hoạt động như liệt kê trong các Quy chế chứng nhận:

- Canh tác
- Thương mại
- Lưu kho
- Chế biến và/hoặc sản xuất
- Đóng bao (gói) và/hoặc đóng bao bao (gói) lại
- Xây dựng nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa
- Bán lẻ

Cấp độ khai báo truy nguyên

- Việc khai báo truy nguyên được thực hiện ở cấp đơn vị sở hữu chứng nhận. Nếu đơn vị sở hữu chứng nhận được chứng nhận có nhiều cơ sở, thì đơn vị quản trị chính của những cơ sở trực thuộc này, sẽ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các yêu cầu về quản lý truy nguyên. Việc truy xuất nguồn gốc trên hệ thống quản lý truy nguyên của Rainforest Alliance phải phản ánh các khối lượng chứng nhận được quản lý tại cấp đơn vị sở hữu chứng nhận, có nghĩa là việc quản lý truy nguyên cho việc luân chuyển của sản phẩm chứng nhận giữa các cơ sở trực thuộc thì không bắt buộc.
- Nếu một đơn vị sở hữu chứng nhận có sử dụng các nhà thầu phụ để thực hiện các hoạt động làm thay đổi đến khối lượng sản phẩm, những chuyển đổi hình thái sản phẩm này phải được khai báo.

Áp dụng các yêu cầu của Tiêu chuẩn

- Các yêu cầu truy nguyên được áp dụng đối với các khối lượng kế thừa (UTZ 2015 và RA 2017) và các khối lượng được chứng nhận theo Tiêu chuẩn Nông nghiệp bền vững Rainforest Alliance 2020 (SAS).
- Chương 2.2 của tiêu chuẩn SAS chỉ áp dụng cho những cây trồng mà việc truy xuất nguồn gốc hiện sẽ được quản lý trên hệ thống trực tuyến này.

Các loại hình truy xuất nguồn gốc sản phẩm

Các loại hình truy xuất nguồn gốc là các phương pháp được sử dụng để xử lý chế biến các khối lượng chứng nhận và truy vết những sản phẩm này tới tận nguồn gốc xuất xứ của chúng. Hiện tại, các loại hình truy xuất nguồn gốc hiện có trong các chuỗi cung ứng hàng chứng nhận, được liệt kê từ cấp độ

truy nguyên “cao nhất” đến “thấp nhất”: đảm bảo nhận dạng sản phẩm (*identity preserved (IP)*), *tách riêng sản phẩm (segregated (SG))*, và *sản phẩm trộn lẫn giữa chứng nhận và không chứng nhận theo tỷ lệ công bố (mass balance (MB))*. Dưới đây là phần giải thích thêm về các loại cấp độ truy nguyên.

- **Đảm bảo nhận dạng sản phẩm – Identity Preserved (IP)**

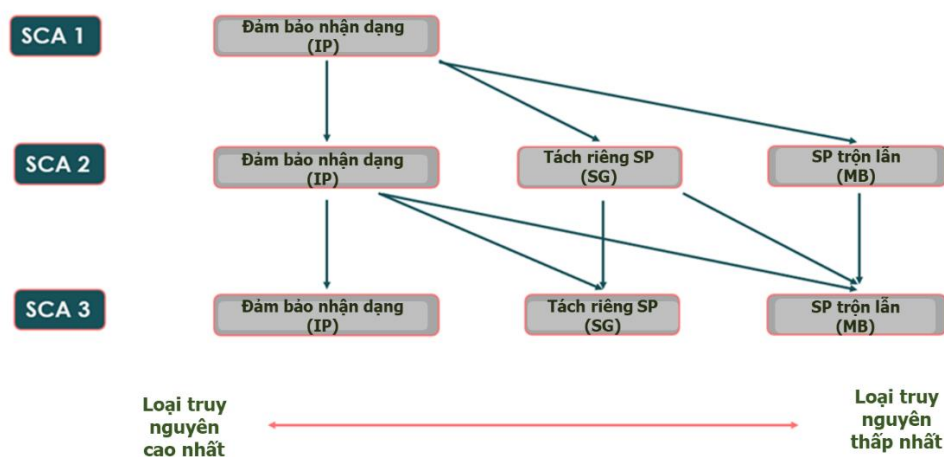
Lựa chọn truy xuất nguồn gốc mà có thể xác định đến thành phần hoặc sản phẩm được chứng nhận Rainforest Alliance truy vết đến tận đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại đơn lẻ. Hoàn toàn không trộn lẫn thành phần hoặc sản phẩm được chứng nhận với thành phần hoặc sản phẩm không có chứng nhận. Đây là loại hình truy nguyên mang tính nghiêm ngặt nhất.

- **Tách riêng sản phẩm - Segregation (SG)**

Quy trình quản lý truy nguyên mà trong đó sản phẩm chứng nhận được lưu giữ một cách riêng biệt với sản phẩm không chứng nhận, cả ngoài thực tế cho đến trong hồ sơ sổ sách. Loại hình tách riêng sản phẩm này phát sinh ở tất cả các giai đoạn từ giao nhận, chế biến, đóng bao/gói, lưu kho và vận chuyển của chuỗi cung ứng hàng hóa. Không có sự lẫn lộn giữa hàng không chứng nhận và hàng được chứng nhận. Điều này có nghĩa là toàn bộ nội dung sản phẩm được chứng nhận, cho dù sản phẩm này có thể xuất xứ từ các nguồn/trang trại được chứng nhận khác nhau, bao gồm cả xuất xứ các nước khác nhau. Trong trường hợp, một sản phẩm được chứng nhận từ các nguồn/trang trại chứng nhận khác nhau, tuy nhiên nhận diện của chúng vẫn được duy trì xuyên suốt chuỗi cung ứng, thì có thể áp dụng cho loại hình bổ sung *Đảm bảo nhận dạng sản phẩm trộn lẫn (Mixed IP)*.

- **Sản phẩm trộn lẫn giữa chứng nhận và không chứng nhận theo tỷ lệ công bố - Mass balance (MB)**

Hình thức truy nguyên mang tính hành chính cho phép một đơn vị ở hữu chứng nhận có thể công bố một sản phẩm không được chứng nhận Rainforest Alliance khi có chứa một lượng tương ứng có nguồn gốc từ sản phẩm chứng nhận Rainforest Alliance.



TÁC NHÂN CHUỖI CUNG ỨNG (SCA)

Không được phép “nâng hạng” từ một loại hình truy nguyên này lên loại hình khác. Ví dụ: không thể tạo ra khối lượng đầu ra có cấp truy nguyên *đảm bảo nhận dạng sp – IP* khi mà khối lượng đầu vào là loại *tách riêng sp – SG*. Tuy nhiên, hoàn toàn cho phép “hạ thấp hạng” từ loại hình truy nguyên cao hơn xuống loại thấp hơn, ví dụ từ *tách riêng sp-SG* xuống loại *sản phẩm trộn lẫn chứng nhận và không chứng nhận – MB*. Đơn vị sở hữu chứng nhận phải cập nhật phần phạm vi của mình trên Hệ thống quản lý chứng nhận Rainforest Alliance (RACP) khi có bất cứ thay đổi về loại hình truy nguyên nào đó.

Phạm vi

Trong khi các cấp truy nguyên *đảm bảo nhận dạng - IP* và *tách riêng sản phẩm - SG* có thể áp dụng với bất cứ cây trồng nào trong phạm vi của chương trình chứng nhận Rainforest Alliance, riêng loại truy nguyên *sản phẩm trộn lẫn giữa chứng nhận và không chứng nhận theo tỷ lệ công bố - mass balance*

ở cấp đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng (người mua đầu tiên và tiếp theo) áp dụng đối với ca cao, nước cam ép và các loại hoa. Đối với hạt phi, dầu cọ và dầu dừa, thì loại hình *mass balance* cũng có thể áp dụng cả ở cấp đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng và trang trại.

Thời hạn tín dụng - Credit validity

Các khoản tín dụng cấp tách riêng sản phẩm - SG và trộn lẫn sản phẩm chứng nhận và không chứng nhận theo tỷ lệ - MB trong khuôn khổ các chứng nhận kế thừa và Chương trình chứng nhận Rainforest Alliance 2020 sẽ có hiệu lực ngay khi bắt đầu có giao dịch mua bán đầu tiên giữa đơn vị sở hữu trang trại này với người mua đầu tiên của chuỗi cung ứng và sẽ được cấp lại dựa trên giao dịch mua bán bên ngoài của đơn vị sở hữu chứng nhận và chuyển đổi hình thái sản phẩm bên trong đơn vị sở hữu chứng nhận.

Thời hạn hiệu lực sẽ được quyết định cho từng loại cây trồng cụ thể.

TRUY NGUYÊN

Yêu cầu 2.1.7 – Bán trùng khối lượng chứng nhận/double selling

Không được bán trùng khối lượng: các sản phẩm được bán dưới dạng sản phẩm không chứng nhận hoặc được bán theo chứng nhận hoặc sáng kiến bền vững khác cũng không được bán theo chứng nhận Rainforest Alliance. Tuy nhiên, có thể bán những sản phẩm được chứng nhận theo một hay nhiều chứng nhận.

- Bán trùng khối lượng chứng nhận là hình thức đem bán cùng một khối lượng được sản xuất hoặc mua vào theo chứng nhận Rainforest Alliance hai lần, cụ thể một lần đem bán theo chứng nhận Rainforest Alliance và một lần bán theo theo dạng không chứng nhận hoặc chứng nhận khác.

Ví dụ, một trang trại sản xuất 100 tấn cà phê có thể được chứng nhận *cả hai* chứng nhận hữu cơ và Rainforest Alliance và được bán theo dạng:

- Chỉ bán 100 tấn theo chứng nhận Rainforest Alliance, hoặc
- Chỉ 100 bán tấn hữu cơ, hoặc
- Bán 100 tấn vừa chứng nhận Rainforest Alliance và Hữu cơ (bán một lần trong một đợt) cho một người mua.

Tuy nhiên, với khối lượng cà phê đó hoàn toàn không được đem bán một cách tách riêng 100 tấn cà phê chứng nhận hữu cơ cũng như 100 tấn cà phê chứng nhận Rainforest Alliance.

Yêu cầu 2.1.9 – các tỷ lệ chuyển đổi

Bảng dưới đây qui định các tỷ lệ chuyển đổi mà sẽ được áp dụng trong những ngành hàng mà cấp truy nguyên sản phẩm trộn lẫn giữa chứng nhận và không chứng nhận theo tỷ lệ - MB được chấp thuận sử dụng.

Cây trồng/Ngành hàng	1 st chuyển đổi	2 nd chuyển đổi	3 rd chuyển đổi	4 th chuyển đổi
Ca cao				
Từ hạt sang dung dịch/lỏng	1:0.82			
Từ hạt sang ngò	1:0.82			
Từ ngò sang dung dịch/lỏng		1:1		
Từ dung dịch/lỏng sang dạng bột			1:0.5:0.5	Không áp dụng
Hạt phi/Hazelnut				
Từ dạng vỏ sang nhân	1:0.5			
Từ nhân sang nhân rang		1:0.94	Không áp dụng	Không áp dụng

Từ nhân sang nhân đã chế biến (chẳng hạn: nhân đã chần, cắt nhỏ hoặc xắt lát mỏng v.v.).	1:1		
Từ nhân rang sang nhân đã chế biến		1:1	
Dừa			
Dừa quả tươi sang cùi dừa	1:0.25		
Cùi dừa sang dầu dừa thô		1:0.62	
Dầu dừa thô sang dầu dừa tinh luyện (RBD)			1:0.96
Dầu dừa thô sang dầu dừa tinh luyện (hydrogenated)			1:0.96
Dầu cọ			
Chùm quả tươi sang dầu cọ thô (FFB)	100:20		
Chùm quả tươi (FFB) sang nhân cọ	100:5		
Dầu cọ thô sang dầu cọ tinh luyện		100:95	
Dầu cọ thô sang PFAD (Palm Fatty Acid Distillate)		100:5	
Nhân cọ sang dầu nhân cọ		100:45	
Palm Kernels to Palm Kernel Expeller		100:55	
Palm Oil to Olein			100:80
Palm Oil to Stearin			100:20
Olein to Double Fraction Olein			100:65
Olein to Mid Fraction Stearin			100:35
Stearin to Mid Fraction Olein			100:65
Stearin to Double Fraction Stearin			100:35
Dầu nhân cọ sang dầu nhân cọ tinh luyện	100:95		
Dầu nhân cọ sang PKFAD	100:5		
Dầu nhân cọ tinh luyện sang PK Olein			100:65
Dầu nhân cọ tinh luyện sang PK Stearin			100:35
Cam			
Cam quả tươi đến bột hòa tan	Kg of SS = (X Boxes of fresh fruit / Y Boxes per ton of FCOJ at 66 Brix) × 1000 × 66%		
Bột cam hòa tan đến nước ép (FCOJ)	1:1		
Bột cam hòa tan đến nước ép (NFC)	1:1		
			1:1

QUẢN LÝ TRUY NGUYÊN TRÊN NỀN TẢNG/HỆ THỐNG TRỰC TUYẾN

CÁC HOẠT ĐỘNG TRUY NGUYÊN TRÊN HỆ THỐNG

Hệ thống quản lý truy nguyên là để phản ánh sự dịch chuyển thực tế của các sản phẩm chứng nhận trong chuỗi cung ứng. Do đó, các đơn vị sở hữu chứng nhận phải hết sức lưu ý đến việc khai báo bất cứ hoạt động nào được thực hiện trên sản phẩm được chứng nhận đó. Việc khai báo bao gồm: các giao dịch mua bán, các hoạt động chuyển đổi hình thái sản phẩm, xác nhận giao dịch, kết thúc truy nguyên đối với khối lượng chứng nhận, loại bỏ khối lượng chứng nhận, tất cả các hoạt động được giải thích trong chương này như cụ thể dưới đây.

Yêu cầu 2.1.9 – chuyển đổi sản phẩm chứng nhận

Phương pháp đúng để tính toán các nhân tố khi chuyển đổi sản phẩm được minh chứng và tài liệu hóa đối với mỗi loại sản phẩm chứng nhận và được phản ánh tương ứng trên hệ thống quản lý truy nguyên.

- Ngoài việc áp dụng đúng các tỷ lệ chuyển đổi (xem thêm ở chương phía trên), bất kỳ việc chuyển đổi¹ của sản phẩm chứng nhận đều dẫn đến sự thay đổi về khối lượng và/hoặc sản phẩm đầu ra đều phải được khai báo trên hệ thống quản lý truy nguyên như nêu trên.

Yêu cầu 2.2.1 – quản lý các giao dịch bán ra đối với sản phẩm chứng nhận

Tất cả khối lượng được bán chứng nhận đều phải được khai báo trên hệ thống quản lý truy nguyên Rainforest Alliance chậm nhất hai tuần sau khi kết thúc quý mà có phát sinh lô hàng giao trong khoảng thời gian này.

- Nói chung, điều này có nghĩa là tất cả các giao dịch bán hàng giữa các công ty về một sản phẩm chứng nhận phải được **khai báo** thông qua hệ thống quản lý truy nguyên của Rainforest Alliance, bắt đầu từ một đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại cho đến tận
 - a) điểm mà sản phẩm chứng nhận đó được đóng gói và gắn nhãn hiệu hàng hóa của một đơn vị sở hữu thương hiệu sản phẩm. Trong trường hợp này, sản phẩm chứng nhận được kết thúc chuỗi truy nguyên từ khối thống quản lý truy nguyên *hoặc*
 - b) điểm mà sản phẩm chứng nhận đó được bán cho một thương hiệu hàng hóa/ nhà bán lẻ bởi một đơn vị sở hữu chứng nhận thương mại chuyên về đóng gói và xây dựng thương hiệu sản phẩm cho một nhãn hiệu hàng hóa/nhà bán lẻ. Trong trường hợp này, một giao dịch bán hàng² của sản phẩm chứng nhận đó được cung cấp cho một chủ thương hiệu hàng hóa/nhà bán lẻ đó.

Yêu cầu 2.2.2 – quản lý các giao dịch mua vào của sản phẩm chứng nhận

Các đơn vị mua sản phẩm chứng nhận Rainforest Alliance phải áp dụng một qui trình/thủ tục để thường xuyên xác minh được các hóa đơn cho các sản phẩm chứng nhận mua vào trùng khớp với các giao dịch khai báo trên hệ thống quản lý truy nguyên.

- Nói chung, tất cả các giao dịch sản phẩm chứng nhận do các nhà cung cấp bán đều phải được đơn vị sở hữu chứng nhận đang mua sản phẩm chứng nhận đó rà soát và xác nhận³. Một đơn vị sở hữu chứng nhận có 7 ngày để rà soát kiểm tra các giao dịch mua vào và yêu cầu đơn vị cung cấp đó điều chỉnh bổ sung bất kỳ các chi tiết giao dịch. Sau 7 ngày kết thúc, các giao dịch sẽ được xác nhận một cách tự động.

Yêu cầu 2.2.3 – loại bỏ các khối lượng chứng nhận

Các khối lượng được bán ra không phải chứng nhận Rainforest Alliance và/hoặc bị hao hụt thất thoát đều được loại bỏ ra khỏi hệ thống quản lý truy nguyên trong vòng hai tuần sau khi kết thúc quý mà có phát sinh hoạt động bán hàng đó.

- Các sản phẩm chứng nhận được loại bỏ khỏi hệ thống quản lý truy nguyên khi mà chúng được đem bán cho đơn vị sở hữu chứng nhận tiếp theo dưới dạng không chứng nhận Rainforest Alliance, hoặc nói chung khi chúng không thể được đem bán tiếp do sản phẩm hư hỏng (sản phẩm "bị thất thoát, hao hụt").
- Trong trường hợp đơn vị sở hữu chứng nhận đó đang hoạt động dưới hình thức cấp truy nguyên *mass balance* – *sản phẩm trộn lẫn giữa chứng nhận và không chứng nhận theo tỷ lệ*, khối lượng chứng nhận đó có thể được bán tiếp như hàng thông thường, và các tín dụng *mass balance* có thể được giữ lại.

Yêu cầu 2.2.5 – kết hợp các giao dịch

Các lô hàng giao được kết hợp với nhau thành một giao dịch thì cần phải có đủ thông tin chứng tỏ quan hệ giữa giao dịch đó với từng lô hàng giao cụ thể.

¹ Chuyển đổi = Đơn vị sở hữu chứng nhận khai báo việc chuyển đổi sản phẩm chứng nhận áp dụng theo tỷ lệ chuyển đổi trên thực tế

² Giao dịch bán hàng = Đơn vị sở hữu chứng nhận thực hiện một giao dịch với khối lượng tương ứng bán cho khách hàng của họ

³ Confirm = CH reviews and approves details (quantity, product details, any other transactional references provided) of incoming transactions from certified suppliers, if those correspond to details of real transacted volume

- Nếu kết hợp một vài lô hàng thành một giao dịch, đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng phải cung cấp hồ sơ/tài liệu bổ sung trên phần khai chi tiết giao dịch của hệ thống quản lý truy nguyên để xác định các giao dịch khác nhau (chẳng hạn như lập bảng excel chi tiết các lô hàng hoặc các số hiệu từng lô hàng riêng lẻ).

Khi nào cần khai báo?

- Trong vòng 2 tuần sau khi kết thúc quý, quý đề cập ở đây là quý theo lịch (tháng 1-tháng 3, tháng 4 – tháng 6, tháng 7 – tháng 9, tháng 10 – tháng 12).

Ví dụ 1: một giao dịch bán hàng thực tế được thực hiện trong tháng 5 – đơn vị chứng nhận đó phải tiến hành khai báo giao dịch bán hàng đó muộn nhất vào ngày 15/7.

Ví dụ 2: một khối lượng hàng chứng nhận được bán như hàng thông thường trong tháng 12 – thì đơn vị sở hữu chứng nhận đó phải khai báo loại bỏ khối lượng sản phẩm chứng nhận này ra khỏi hệ thống quản lý truy nguyên trước 15/1 của năm tiếp theo.

CẤP TRUY NGUYÊN TRỘN LẤN CHỨNG NHẬN VÀ KHÔNG CHỨNG NHẬN THEO TỶ LỆ - MASS BALANCE

Yêu cầu 2.3.1 – trao đổi tín dụng

Việc trao đổi tín dụng chỉ có thể áp dụng cho cùng một loại sản phẩm hoặc trong khâu tiếp theo của quá trình chế biến, có nghĩa là các tín dụng của Rainforest Alliance có thể được trao đổi từ sản phẩm chứng nhận Rainforest Alliance mua vào cho các sản phẩm cùng loại hoặc các sản phẩm mua thông thường tiếp theo.

- *Ví dụ 1:* bơ cao chứng nhận Rainforest Alliance sang bơ cao cao thông thường
- *Ví dụ 2:* ca cao hạt chứng nhận Rainforest Alliance sang ca cao dạng dung dịch/lỏng thông thường
- *Ví dụ 3:* ca cao hạt chứng nhận Rainforest Alliance sang bơ cao cao thông thường
- *Ví dụ 4:* Hạt phi nguyên vỏ chứng nhận Rainforest Alliance sang hạt phi nhân rang thông thường
- *Ví dụ 5:* dầu dừa thô chứng nhận Rainforest Alliance sang dầu dừa tinh luyện thông thường

Việc trao đổi tín dụng theo hướng ngược lại (của quá trình chế biến) thì không được phép (từ ca cao dạng lỏng/dung dịch sang ca cao ngò, từ sô-cô-la sang bơ cao cao, từ bơ cao cao sang bột ca cao (và ngược lại), từ nhân hạt phi chế biến sang hạt phi nguyên vỏ, v.v.).

Việc trao đổi tín dụng từ các sản phẩm không nguyên chất có chứng nhận Rainforest Alliance (chẳng hạn như sô-cô-la) sang các sản phẩm nguyên chất thông thường (chẳng hạn như bơ cao cao) thì cũng không được phép vì điều này tạo ra việc chuyển đổi ngược lại.

Việc trao đổi tín dụng từ sản phẩm (không) nguyên chất chứng nhận Rainforest Alliance (sô-cô-la) sang sản phẩm không nguyên chất thông thường (sô-cô-la) là được phép, miễn là sản phẩm không nguyên chất đó được mua vào.

Các yêu cầu 2.3.3 và 2.3.4 – đảm bảo nước xuất xứ

Các yêu cầu và định nghĩa về đảm bảo nước xuất xứ dưới đây chỉ được áp dụng cho ngành ca cao:

Các định nghĩa

Công thức hàng năm	Công thức đi kèm với các sản phẩm chứng nhận dạng lỏng đem bán. Công thức này có thể được rà soát và điều chỉnh hàng năm, nhưng cũng có thể được điều chỉnh thường xuyên hơn.
Nước xuất xứ	Quốc gia sản xuất ra ca cao hạt chứng nhận
Dấu ấn về nước xuất xứ	Quốc gia được hiển thị trên phiếu tín dụng đại diện cho nước xuất xứ của ca cao nhân chứng nhận đi kèm với phiếu tín dụng đó. Nguồn gốc nước xuất xứ không cần thiết phải phản ánh Dấu ấn nước xuất xứ không nhất thiết phải phản ánh nước xuất xứ của khối lượng ca cao nhân đã sử dụng để sản xuất sản phẩm ca cao kèm theo tín dụng đó, mà chỉ thể hiện nước xuất xứ về mặt hàng chính đối với tín dụng đó.
Đảm bảo nước xuất xứ	Cách thức để đảm bảo về nước xuất xứ của các giao dịch mua và bán hàng đối với các sản phẩm chứng nhận với dấu ấn về nước xuất xứ của các khối lượng tín dụng kèm theo các giao dịch mua hoặc bán đó, từng giao dịch hoặc theo cơ sở tổng hợp như yêu cầu dưới đây.
Kế hoạch phát triển nguồn cung ứng	Kế hoạch do một công ty lập để cam kết chuyển đổi nguồn cung chứng nhận theo nhu cầu và theo cách tin cậy đáp ứng những yêu cầu về đảm bảo nước xuất xứ. Kế hoạch này phải được trình cho Rainforest Alliance phê duyệt.

Phạm vi

Đảm bảo về nước xuất xứ được thực hiện từ 1/7/2021 đối với tất cả các giao dịch đã hoàn thành trên hệ thống quản lý truy nguyên, đáp ứng các điều kiện về đảm bảo nước xuất xứ theo những yêu cầu như qui định trong tài liệu này. Điều này bao gồm cả với tất cả ca cao chứng nhận có cấp truy nguyên mass balance.

Đảm bảo về nước xuất xứ yêu cầu đối với tất cả giao dịch bán hàng chứng nhận có hợp đồng mua bán kí vào hoặc sau ngày 1/4/2021.

Đảm bảo về nước xuất xứ yêu cầu đối với tất cả loại ca cao có dấu ấn nước xuất xứ được thể hiện trên hệ thống quản lý truy nguyên. Nếu dấu ấn về nước xuất xứ của sản phẩm ca cao nào đó không được thể hiện trên hệ thống quản lý truy nguyên này, thì sau đó đảm bảo về nước xuất xứ không cần yêu cầu đối với sản phẩm đó. Việc hiển thị nước xuất xứ hay không thì sẽ không còn là quyết định của công ty nữa, mà điều này sẽ do hệ thống quản lý truy nguyên xác định.

Trường hợp ngoại lệ về đảm bảo nước xuất xứ: một đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng có thể được miễn trừ yêu cầu đảm bảo về nước xuất xứ cho một khối lượng cụ thể từ một nước xuất xứ cụ thể nếu đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng đó nhận được phê duyệt từ Rainforest Alliance cho kế hoạch phát triển nguồn cung đối với nước xuất xứ đó.

Ca cao nhân và ngòi

Đảm bảo nước xuất xứ được yêu cầu ở cấp giao dịch với tỷ lệ 100% đối với tất cả ca cao hạt và ngòi chứng nhận mua từ đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng khác và ca cao hạt và ngoài đem bán cho đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng khác. Hồ sơ tài liệu bán ca cao hạt và ca cao ngòi được bán như chứng nhận cần phải có thông tin nước xuất xứ tới cấp quốc gia có ca cao chứng nhận và khối lượng đầu vào ca cao hạt và ngòi thông thường.

Ca cao dạng lỏng/ dung dịch

Đảm bảo nước xuất xứ được yêu cầu đối với giao dịch bán hàng đầu tiên của ca cao dạng lỏng chứng nhận cho đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng khác theo hình thức tổng hợp các giao dịch cho cả giai đoạn 12 tháng. Hồ sơ tài liệu ở cấp đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng này bao gồm thông tin nước xuất xứ cho đến cấp quốc gia có khối lượng ca cao đầu vào được chứng nhận và không chứng nhận.

Các xuất xứ của tổng hợp các giao dịch bán hàng ca cao dạng lỏng chứng nhận và công thức hàng năm được đối chiếu với nhau. Tỷ lệ đảm bảo về xuất xứ cần phải đạt tối thiểu 80% theo khối lượng. Các khối lượng chứng nhận có thể được kết hợp với nhau khi các tính toán đối chiếu đạt tỷ lệ 80% khớp với nước xuất xứ.

Nếu tỷ lệ hơn 20% các dẫn xuất từ ca cao được bán ở thời điểm không có dấu ấn về nước xuất xứ trên hệ thống quản lý truy nguyên, thì khi đó tỷ lệ đảm bảo nước xuất xứ cho phép còn dưới 80%, miễn là tất cả các khối lượng có dấu ấn xuất xứ đều đối chiếu khớp với nước xuất xứ.

Trong trường hợp tỷ lệ đảm bảo về nước xuất xứ chỉ đạt dưới 80% cho cả 12 tháng, thì sau đó khối lượng còn thiếu phải được bù đắp lại trong vòng 3 tháng tiếp theo.

Nếu không có bất cứ khối lượng ca cao chứng nhận nào có sẵn ở 1 nước và điều này dẫn đến một sản phẩm phải ở dưới mức tỷ lệ phần trăm yêu cầu về đảm bảo nước xuất xứ và không thể bù đắp được, nên sản phẩm này sẽ không thể bán dưới dạng ca cao chứng nhận ở loại ở cấp truy nguyên mass balance.

Công thức hàng năm và tỷ lệ đảm bảo về nước xuất xứ đối với ca cao dạng lỏng

Công thức hàng năm đối với ca cao dạng lỏng

Để chuẩn bị thanh tra, một công ty sẽ được yêu cầu xác định công thức hàng năm đối với tỷ lệ đảm bảo về xuất xứ của ca cao dạng lỏng chứng nhận ở cấp truy nguyên mass balance. Việc này có thể được thực hiện theo một trong những cách thức sau đây:

1. Nếu chỉ có một công thức dung dịch được dùng để bán ca cao dạng lỏng chứng nhận, thì công ty này có thể sử dụng công thức dung dịch hàng năm thực tế mà công ty đang dùng để bán ca cao dạng lỏng chứng nhận. Trong trường hợp có nhiều công thức khác nhau dùng để bán ca cao dạng lỏng chứng nhận, thì có thể tính trung bình của các công thức này.
2. Nếu không thể phân biệt được dung dịch ca cao được bán dưới dạng chứng nhận hoặc hàng thường, và điều đó cũng không thể chứng minh được với đơn vị CB, thì tất cả các công thức (toàn phần hoặc từng phần) đã được bán dưới dạng chứng nhận có thể được kết hợp với nhau và được tính trung bình cộng.
3. Nếu không thể phân biệt được dung dịch đã được dùng để bán với dung dịch được dùng để tiếp tục công đoạn chế biến nội bộ tiếp theo, và việc này cũng không thể chứng minh được cho đơn vị thanh tra, thì tất cả các công thức có thể được kết hợp lại và tính trung bình cộng.

Những lựa chọn nêu trên có thể đưa ra một công thức hàng năm cho cả giai đoạn 12 tháng *hoặc*, nếu công ty muốn sử dụng một số công thức hàng năm thực tế hơn và không tính trung bình cộng những công thức này lại, thì công ty có thể đưa ra cách thức sử dụng trung bình cộng của các công thức này như là các công thức hàng năm của họ. Công thức trung bình không cần phải là số bình quân gia quyền. Cơ sở tính toán cho bất cứ phương pháp nêu trên cần phải cung cấp cho đơn vị thanh tra, bao gồm các hồ sơ tài liệu liên quan mà công ty đã dùng để tính toán như đã nói.

Đảm bảo xuất xứ về công thức hàng năm đối với ca cao dạng lỏng

Một công ty sẽ cần phải đối chiếu bảng kê chi tiết các giao dịch ca cao dạng lỏng theo xuất xứ trên hệ thống quản lý truy nguyên Rainforest Alliance với công thức hàng năm do công ty tính toán, và tối thiểu 80% khối lượng đã bán trên hệ thống truy nguyên phải khớp với các chi tiết xuất xứ được xác định trong công thức hàng năm.

Để tính toán tỷ lệ sau:

Công thức hàng năm		Các giao dịch trên MTT		Tỷ lệ % đảm bảo xuất xứ
Quốc gia	% thành phần	Quốc gia	% thành phần	% sai khác
<i>Nước A</i>	40%	<i>Nước A</i>	35%	5%
<i>Nước B</i>	40%	<i>Nước B</i>	35%	5%
<i>Nước C</i>	20%	<i>Nước C</i>	30%	10%
TỔNG	100%		100%	20% sai khác = 80% khớp

Để có tổng quan sơ bộ về tỷ lệ đảm bảo xuất xứ cấp truy nguyên mass balance, xin vui lòng xem [tại đây](#).